

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 10/01/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Công Tâm

Bà Bùi Thị Thúy Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Lê Hoàng Bảo L, sinh năm: 1984 và bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1982; cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2023, văn bản trình bày ý kiến ngày 23/9/2024 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Như T trình bày:

Bà T có cho ông Lê Hoàng Bảo L và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H vay tiền để trả tiền Ngân hàng, cụ thể như sau:

Ngày 24/8/2021, bà T cho ông L, bà H vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, vay không lãi suất.

Sau đó vào ngày 15/9/2021 ông L, bà H có trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng.

Đến ngày 23/9/2021, ông L, bà H có trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng.
Số tiền 30.000.000 đồng còn lại đến nay chưa trả.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng Bảo L và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H liên đới trả lại cho bà T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Bà T yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 23/9/2021 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 24 tháng với tiền lãi là 5.976.000 đồng.

Tổng cộng bà T yêu cầu ông Lê Hoàng Bảo L và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H liên đới trả lại cho bà T số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 35.976.000 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Phía bị đơn là bà H và ông L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Tòa án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng bà H và ông L vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của bà H và ông L.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông L và bà T. Bà T yêu cầu ông Lê Hoàng Bảo L và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H liên đới trả lại cho bà T số tiền nợ gốc và lãi là 35.976.000 đồng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông L và bà H. Buộc bà H và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 5.976.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và tố tụng: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Do bà H và ông L có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà H và ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông L.

[2] Về nội dung:

Bà T yêu cầu ông L và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 23/9/2021 đến ngày 23/9/2024 tạm tính là 24 tháng, mức lãi suất là 0,83%/tháng, tiền lãi là 5.976.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào ngày 24/8/2021, bà T có cho ông L và bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, không lãi suất. Hai bên có làm giấy “Biên nhận” có nội dung “Tôi tên Lê Hoàng Bảo L; CMND:321122991 cùng vợ Nguyễn Thị Thu H CMND 321101917; địa chỉ: ấpL - Chợ L- Bến Tre có mượn của Như T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) để trả N Chợ L1; Thời gian trả: 01 tháng; Ngày nhận 24/8/21 dương lịch; Người nhận: ký tên ghi họ tên Lê Hoàng Bảo L, Nguyễn Thị Thu H...ngày 15/9/2021 anh Bảo L trả lại T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ký tên ghi họ tên Lê Hoàng Bảo L..., ngày 23/9/2021 chị H trả lại T 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), ký tên ghi họ tên Nguyễn Thị Thu H”. Quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày “Biên nhận” nêu trên do bà T viết, bà H và ông L có ký tên ghi họ tên bên “người nhận”. Thời hạn vay là 01 tháng.

Ngày 15/9/2021, ông Bảo L có trả lại T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ngày 23/9/2021, bà H có trả bà T số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Như vậy, ông L và bà H đã trả cho bà T tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Hiện nay, ông L và bà H còn nợ bà T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà H và ông L liên đới trả cho bà T số tiền là 35.976.000 đồng trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.976.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại “Biên nhận” ngày 24/8/2021 dương lịch ông L và bà H có ký tên, ghi họ tên bên “người nhận”, quá trình vay tiền ông L và bà H có trả cho bà T hai lần với tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Do đó, ông L và bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng.

Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H và ông L vắng mặt cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T (mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt) nên bà H và ông L phải chịu trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T trình bày mục đích ông L và bà H vay tiền của bà T để trả nợ ngân hàng. Do đó, bà T yêu cầu ông L và bà H liên đới trả nợ cho bà T là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà T yêu cầu ông L và bà H liên đới trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất:

Bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 23/9/2021 đến ngày 23/9/2024 tạm tính là 24 tháng, mức lãi suất là 0,83%/tháng, tiền lãi là $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 5.976.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, bà T trình bày do bà T xác định nhầm thời gian tính lãi (từ ngày 23/9/2021 đến ngày 23/9/2024 tạm tính là 24 tháng), nay bà T xác định lại mốc thời gian tính lãi từ ngày 23/9/2021 đến ngày 23/9/2023 là 24 tháng, mức lãi suất là 0,83%/tháng, tiền lãi là $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 5.976.000 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử xét thấy tại “Biên nhận” ngày 24/8/2021, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là một tháng nhưng đến hạn trả tiền phía bị đơn không thực hiện trả nợ cho bà T. Căn cứ khoản 3 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà T yêu cầu bà H và ông L liên đới trả tiền lãi tính từ ngày 23/9/2021 đến ngày 23/9/2023 tạm tính là 24 tháng, mức lãi suất là 0,83%/tháng, tiền lãi là 5.976.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà H và ông L về việc yêu cầu ông L và bà H liên đới trả tổng số tiền là 35.976.000 đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.976.000 đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 35.976.000 đồng là: $35.976.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.799.000 \text{ đồng}$.

H1 tạm ứng án phí cho bà T số tiền là 1.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005656 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227 BLTTDS; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông L và bà H liên đới trả tổng số tiền nợ vay là 35.976.000 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tiền lãi là 5.976.000 đồng (năm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Buộc ông L và bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà T tổng số tiền nợ vay là 35.976.000 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tiền lãi là 5.976.000 đồng (năm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên thì

người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L và bà H liên đới nộp án phí dân sự có giá ngạch là 1.799.000 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn đồng).

H1 tạm ứng án phí cho bà T số tiền là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005656 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nga